

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **129/2021/DS-PT**

Ngày **27-12-2021**

V/v: “*Tranh chấp HĐCNQSDĐ
và tài sản gắn liền với đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân
Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo
Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2021/TLPT- DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà **Cao Thị H**, sinh năm 1969 “có mặt”
 2. Ông **Trương Quang L**, sinh năm 1968 “có mặt”
- Cùng nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn Q, xã T, thị xã P, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn:

1. Ông **Nguyễn B**, sinh năm 1962 “vắng mặt”
2. Bà **Nguyễn Thị B** (tên gọi khác: **Nguyễn Thị B**), sinh năm 1969 “có mặt”

Cùng nơi cư trú tại địa chỉ: Thôn Q, xã T, thị xã P, tỉnh Bình Phước

Cùng uỷ quyền tham gia tố tụng cho ông **Đặng Gia H**, sinh năm 1978 “có mặt”

Nơi cư trú tại địa chỉ: đường số 4, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo:* Các bị đơn ông **Nguyễn B** và bà **Nguyễn Thị B**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04/01/2019 các nguyên đơn là vợ chồng bà Cao Thị H ông Trương Quang L và các bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B có thỏa thuận với nhau việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (vườn điều), theo đó các bị đơn chuyển nhượng cho các nguyên đơn 02 phần đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) có tổng diện tích 13.165,5m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là vườn điều khoảng 200 cây điều 25 năm tuổi, tọa lạc tại thôn B, xã T1, huyện P, tỉnh Bình Phước với giá là 600 triệu đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên thì các nguyên đơn đã trực tiếp giao đủ số tiền 600 triệu đồng cho các bị đơn thể hiện tại Văn bản ngày 04/01/2019 với tiêu đề “Giấy sang nhượng vườn điều” có chữ ký, chữ viết xác nhận “Đã nhận đủ số tiền” của các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B; còn các bị đơn cũng đã trực tiếp đo đạc giao đủ đất và vườn điều cho các nguyên đơn sử dụng, canh tác và thu hoạch hoa lợi, đến tháng 4 năm 2020 các nguyên đơn đã thay đổi cây trồng cưa chặt hết cây điều cũ và trồng mới 550 cây điều cao sản.

Do khi chuyển nhượng 02 phần đất trên các bị đơn chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng sau đó các bị đơn đều đã được cấp GCNQSDĐ đối với 02 phần đất trên, cụ thể như sau: (1) Thửa đất thứ nhất có diện tích 9.064,3m² thuộc một phần Thửa đất số 214-Tờ bản đồ số 7- Diện tích 43.787,6m² đã được cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CV 845021, số vào sổ cấp GCN: CH 03708/CQ-LP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Nguyễn B và vợ là bà Nguyễn Thị B, có tứ cận: Phía Đông giáp đường đất, phía Tây giáp Thửa đất số 170, phía Nam giáp thửa đất số 214, phía Bắc giáp đường đất, tọa lạc tại thôn B, xã T1, huyện P, tỉnh Bình Phước; (2) Thửa đất thứ hai có diện tích 4.101,5m² thuộc toàn bộ Thửa đất số 193-Tờ bản đồ số 7-Diện tích 4202,7m² đã được cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CV 845005, số vào sổ cấp GCN: CH 03709/CQ-LP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Nguyễn B và vợ là bà Nguyễn Thị B, có tứ cận: Phía Đông giáp Thửa đất số 97, phía Tây giáp đường đất, phía Nam giáp Thửa đất số 358, phía Bắc giáp thửa đất số 169, tọa lạc tại thôn B, xã T1, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Do các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B không làm thủ tục sang tên cho các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và

tài sản gắn liền với đất ngày 04/01/2019 với tiêu đề “Giấy sang nhượng vườn điều” giữa ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B và bà Cao Thị H ông Trương Quang L có hiệu lực pháp luật để các nguyên đơn được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng trên và đứng tên GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

Các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B thì cho rằng các bị đơn không có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho các nguyên đơn mà thực chất là giả tạo để che đậy hợp đồng vay tài sản của hai bên các bị đơn và các nguyên đơn ngày 26/6/2018 với số tiền 340 triệu đồng nên các bị đơn yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04/01/2019 với tiêu đề “Giấy sang nhượng vườn điều” vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L,*

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04/01/2019 với tiêu đề “Giấy sang nhượng vườn điều” giữa ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B và bà Cao Thị H ông Trương Quang L có hiệu lực pháp luật.

Bà Cao Thị H ông Trương Quang L được quyền sử dụng đất có diện tích 13.165,5m², tọa lạc tại thôn B, xã T1, huyện P, tỉnh Bình Phước, gồm 02 thửa đất sau:

- Thửa thứ nhất có diện tích 9.064,3m² thuộc một phần Thửa đất số 214-Tờ bản đồ số 7- Diện tích 43787,6m² đã được cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CV 845021, số vào sổ cấp GCN: CH 03708/CQ-LP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Nguyễn B và vợ là bà Nguyễn Thị B, có tứ cận: Phía Đông giáp đường đất, phía Tây giáp Thửa đất số 170, phía Nam giáp thửa đất số 214, phía Bắc giáp đường đất;

- Thửa thứ hai có diện tích 4.101,5m² thuộc toàn bộ Thửa đất số 193-Tờ bản đồ số 7-Diện tích 4202,7m² đã được cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CV 845005, số vào sổ cấp GCN: CH 03709/CQ-LP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Nguyễn B và vợ là bà Nguyễn Thị B, có tứ cận: Phía Đông giáp Thửa đất số 97, phía Tây giáp đường đất, phía Nam giáp Thửa đất số 358, phía Bắc giáp thửa đất số 169.

(Theo Bản Đo đạc, chỉnh lý thửa đất ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và tư vấn đất đai huyện P, tỉnh Bình Phước)

Các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm liên đới phải chịu 35.025.000 đồng. Các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L không phải chịu và được trả lại 14 triệu đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, còn quyết định chi phí tố tụng, biện pháp đảm bảo thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/5/2021, các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án Dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn với lý do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04/01/2019 thực chất là giả tạo để che đậy hợp đồng vay tài sản với số tiền 340 triệu đồng ngày 26/6/2018 của hai bên nên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên vô hiệu. Tại phiên toà phúc thẩm, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo trên.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có hiệu lực pháp luật, các nguyên đơn được quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Vụ án này do có kháng cáo của các bị đơn theo thủ tục phúc thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước theo Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo, thấy rằng:

[2.1] Xét Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04/01/2019 với tiêu đề “Giấy sang nhượng vườn điều” giữa các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B và các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L là hoàn toàn có thật, các nguyên đơn thực tế đã giao trực tiếp

đầy đủ số tiền 600 triệu đồng cho các bị đơn và các bị đơn thực tế cũng đã trực tiếp giao đầy đủ diện tích đất 13.165,5m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là vườn điều cho các nguyên đơn, các nguyên đơn thực tế đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất ổn định, thay đổi cây trồng và canh tác gần 03 năm nay, diện tích đất chuyển nhượng nay cũng đã được cấp GCNQSDĐ nên Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, công nhận Hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật, công nhận quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Còn việc các bị đơn cho rằng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04/01/2019 trên là giả tạo nhằm che đậy Hợp đồng vay tài sản ngày 26/6/2018 là hoàn toàn không có cơ sở và cũng không được các nguyên đơn chấp nhận. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” là chưa đầy đủ do hợp đồng này có tài sản gắn liền với đất là vườn điều và có yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Do đó, cần phải sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bổ sung cho đầy đủ quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, công nhận bổ sung quyền được sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng trên cho các nguyên đơn.

[2.2] Tại Toà án cấp sơ thẩm các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vô hiệu do giả tạo và yêu cầu bồi thường thiệt hại do các nguyên đơn đã cưa chặt cây điều cũ để trồng cây điều mới và hoa lợi thu hoạch từ các cây điều cũ. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không có hướng dẫn cho các bị đơn làm rõ đơn yêu cầu phản tố và thực hiện các thủ tục phản tố theo quy định của pháp luật để được giải quyết là có thiếu sót nhưng Toà án cấp sơ thẩm tự thu thập chứng cứ giải quyết luôn các yêu cầu trên của các bị đơn theo hướng không chấp nhận các yêu cầu của các bị đơn và buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 35.025.000 đồng là vi phạm thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm các bị đơn cho rằng đơn yêu cầu của họ tại Toà án cấp sơ thẩm thì họ không có yêu cầu phản tố mà cho rằng thực chất họ chỉ có ý kiến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn với các lý do họ đưa ra ở trên. Do đó, chỉ cần sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chuyển các yêu cầu trên của các bị đơn thành các ý kiến của các bị đơn và không buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận

[4] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí: Các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền 14 triệu đồng tạm ứng án phí mà các nguyên đơn đã nộp. Các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Các bị

đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm và mỗi người được trả lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4.2] Về chi phí tố tụng đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.652.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ số tiền 8.652.000 đồng. Các bị đơn đã nộp chi phí định giá lần 2 và chi phí đo đạc tổng cộng là 4.652.000 đồng, các nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lần 1 số tiền 04 triệu đồng. Do đó, các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B trả lại đầy đủ cho các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L số tiền 04 triệu đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ các điều 129, 500 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 167, 188 của Luật Đất đai năm 2013; điểm b.2 tiểu mục 2.3 mục 2 phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10 tháng 8 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L,

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 04/01/2019 với tiêu đề “Giấy sang nhượng vườn điều” giữa các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B và các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L có hiệu lực pháp luật.

Bà Cao Thị H ông Trương Quang L được quyền sử dụng đất có diện tích 13.165,5m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thôn Bàu Đĩa, xã T1, huyện P, tỉnh Bình Phước, cụ thể gồm 02 thửa đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất sau đây:

- Thửa đất thứ nhất có diện tích 9.064,3m² thuộc một phần Thửa đất số 214-Tờ bản đồ số 7- Diện tích 43.787,6m² đã được cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CV 845021, số vào sổ cấp GCN: CH 03708/CQ-LP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Nguyễn B và vợ là bà Nguyễn Thị B, có tứ cận: Phía Đông giáp đường đất, phía Tây giáp Thửa đất số 170, phía Nam giáp thửa đất số 214, phía Bắc giáp đường đất;

- Thửa đất thứ hai có diện tích 4.101,5m² thuộc toàn bộ Thửa đất số 193-Tờ bản đồ số 7-Diện tích 4202,7m² đã được cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CV 845005, số vào sổ cấp GCN: CH 03709/CQ-LP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho ông Nguyễn B và vợ là bà Nguyễn Thị B, có tứ cận: Phía Đông giáp Thửa đất số 97, phía Tây giáp đường đất, phía Nam giáp Thửa đất số 358, phía Bắc giáp thửa đất số 169.

(Kèm theo Bản Đo đạc, chỉnh lý thửa đất ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và tư vấn đất đai huyện P, tỉnh Bình Phước)

Các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đứng tên GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất được công nhận quyền sử dụng trên theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Căn cứ các điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L không phải nộp và được trả lại số tiền 14 triệu đồng tạm ứng mà các nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011774 ngày 19/10/2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện P. Các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B không phải nộp. Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện P trả lại số tiền 300.000 đồng cho ông Nguyễn B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012211 ngày 06 tháng 5 năm 2021 và trả lại số tiền 300.000 đồng cho bà Nguyễn Thị B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012212 ngày 06 tháng 5 năm 2021

- Về chi phí tố tụng đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Các bị đơn ông Nguyễn B bà Nguyễn Thị B trả lại đầy đủ cho các nguyên đơn bà Cao Thị H ông Trương Quang L số tiền 04 triệu đồng.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Toà án nhân dân huyện P;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TDS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân